TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2022/DS-ST
Ngày: 06-6-2022
V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Dũng
2. Bà Đặng Thụy Thùy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hoàng Lan Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị M, sinh năm 1964
Địa chỉ: ấp LHB, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1994
Địa chỉ: ấp LHB, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(bà M có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 25 tháng 10 năm 2021, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị M trình bày như sau:

Bà có tên thường gọi là U. Bà và anh Trần Minh T là bà con. Anh T làm chủ

hụi, bà có tham gia chơi hụi do anh T làm chủ 03 dây hụi. Bà hốt 03 dây hụi này được số tiền 53.000.000đồng. Hụi đã mãn. Anh T xin bà cho mượn lại số tiền này và viết cho bà Giấy nợ ngày 22/7/2020, cho mượn không có lãi, hứa hàng tháng trả 1.000.000đồng. Sau khi mượn tiền xong, anh T không thực hiện trả tiền hàng tháng cho bà mà chỉ trả cho bà được 500.000đồng vào tháng 8/2020 rồi ngưng luôn cho đến nay. Bà đã đòi nhiều lần nhưng anh T không trả. Do đó, nay, bà khởi kiện yêu cầu anh T trả lại cho bà số tiền 52.500.000đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Đối với bị đơn anh Trần Minh T: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị M trình bày như sau: Bà có tên thường gọi là U. Anh T làm chủ hụi, bà có tham gia chơi hụi do anh T làm chủ 03 dây hụi. Bà hốt 03 dây hụi này được số tiền 53.000.000đồng. Hụi đã mãn. Anh T xin bà cho vay lại số tiền này và viết cho bà Giấy nợ ngày 22/7/2020, vay không có lãi, hứa hàng tháng trả 1.000.000đồng. Sau khi vay, anh T chỉ trả cho bà được 500.000đồng vào tháng 8/2020 rồi ngưng luôn cho đến nay. Bà đã đòi nhiều lần nhưng anh T không trả. Lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, bị đơn đã được thông báo các văn bản tố tụng, đã được nhận bản sao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không có ý kiến phản

đối đối với lời trình bày của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh T còn nợ bà M số tiền vay là 52.500.000đồng.

[3.2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 52.500.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng thỏa thuận. Do đó, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất do các bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử và vấn đề bồi thường thiệt hại, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Do các đương sự không có thỏa thuận về việc trả lãi nên lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị M.

Buộc bị đơn anh Trần Minh T phải trả cho nguyên đơn bà Dương Thị M số tiền là 52.500.000đồng (năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Dương Thị M có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn anh Trần Minh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

Bị đơn anh Trần Minh T phải chịu 2.625.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Dương Thị M 1.325.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003542 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

3/ Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Huỳnh Trúc